TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 220/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 27-7-2018
V/v:"Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Loan Trần Hải Yến
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Huỳnh Thế Cần – Bí thư Đoàn phường T, thành phố B
2. Bà Thiều Thị Phi Loan – Nguyên Hội phó Hội liên hiệp phụ nữ thành phố B.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tuyền – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Thanh Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B – tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 19/2018/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 223/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 441/2018/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Bà **Trần Thị L** – sinh năm 1982
2.Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn Q** – sinh năm 1979
Cùng địa chỉ: Tổ A, khu phố C, phường D, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.
(Bà L, ông Q vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/12/2017, tại bản tự khai nguyên đơn bà Trần Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn Q kết hôn năm 2000, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện Đ, tỉnh Nghệ An, hôn nhân là tự nguyện. Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được một khoảng thời gian. Tuy nhiên, đến đầu năm 2014 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống vợ chồng thường xuyên lục đục, xích mích,

bất đồng quan điểm sống do ông Q thường xuyên chửi bới, đánh đập, xúc phạm bà, sự việc này bà con lối xóm và người thân trong gia đình đều biết. Vì không muốn gia đình tan vỡ đã nhiều lần họ hàng hai bên cũng như vợ chồng ngồi lại để tìm cách giải quyết mâu thuẫn nhưng vẫn không có kết quả. Xét thấy đời sống chung không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, hai vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà xin được ly hôn với ông Q.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Thúy V, sinh ngày 28/7/2001 và cháu Nguyễn Văn N, sinh ngày 02/8/2009. Khi ly hôn, bà xin được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý và giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho ông Q nhưng ông Q vắng mặt không có lý do nên không có lời khai.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định. Bị đơn thực hiện không đúng.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của bà L. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Thúy V và cháu Nguyễn Văn N cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời ông Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu. Bà L phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Trần Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt, Tòa án đã tống đạt hợp lệ giấy triệu tập; Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của pháp luật, nhưng ông Nguyễn Văn Q vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị L và ông Nguyễn Văn Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đã được Ủy ban nhân dân xã S, huyện Đ, tỉnh Nghệ An cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 28 ngày 17/8/2000 nên áp dụng Điều 5, Điều 6, Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 xác định là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà L, Hội đồng xét xử xét thấy: Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được một khoảng thời gian. Tuy nhiên, đến đầu năm 2014 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn trầm

trọng, cuộc sống vợ chồng thường xuyên lục đục, xích mích, bất đồng quan điểm sống do ông Q thường xuyên chửi bới, đánh đập, xúc phạm bà, sự việc này bà con lối xóm và người thân trong gia đình đều biết. Vì không muốn gia đình tan vỡ đã nhiều lần họ hàng hai bên cũng như vợ chồng ngồi lại để tìm cách giải quyết mâu thuẫn nhưng vẫn không có kết quả. Xét thấy đời sống chung không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, hai vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà xin được ly hôn với ông Q. Tòa án cũng đã tiến hành triệu tập ông Q đến Tòa để hòa giải đoàn tụ nhưng ông Q vẫn vắng mặt, cho thấy ông Q không muốn níu kéo cuộc hôn nhân này. Mặt khác, theo biên bản xác minh ngày 09/3/2018 tại địa phương thì vợ chồng bà L và ông Q thường xảy ra mâu thuẫn lý do vào những ngày cuối tuần ông Q hay tổ chức ăn nhậu, chửi bới vợ con, có hành vi bạo lực gia đình. Ngoài ra, ông Q hay tổ chức hát karaoke làm ảnh hưởng đến hàng xóm xung quanh. Xét thấy mâu thuẫn giữa bà L và ông Q đã thật sự trầm trọng, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ nên việc bà L xin ly hôn với ông Q là có cơ sở chấp nhận. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận đơn xin ly hôn của bà L, cho ly hôn giữa bà Trần Thị L và ông Nguyễn Văn Q.

[3] Về con chung: Bà L và ông Q có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Thúy V, sinh ngày 28/7/2001 và cháu Nguyễn Văn N, sinh ngày 02/8/2009. Khi ly hôn bà L xin được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung và không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là trách nhiệm của cha mẹ, ông Q đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa làm việc, không có ý kiến gì, cháu V và cháu N đều có nguyện vọng được ở với mẹ, do đó để đảm bảo cuộc sống ổn định cho các con chung nên giao cháu V và cháu N cho bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành để tạo điều kiện ổn định phát triển về mọi mặt cho các cháu. Tạm thời ông Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung: Theo bà L trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do bị đơn vắng mặt chưa có lời khai về tài sản chung, nên không đặt ra xem xét mà tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

[5] Về nợ chung: Theo bà L trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do bị đơn vắng mặt chưa có lời khai về nợ chung, nên không đặt ra xem xét mà tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

[6] Về án phí: Bà L phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 203, Điều 220, Điều 238, Điều 266, Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ cào Điều 5, Điều 6, Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị L.

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Trần Thị L và ông Nguyễn Văn Q.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Thúy V, sinh ngày 28/7/2001 và cháu Nguyễn Văn N, sinh ngày 02/8/2009 cho bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời ông Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì không trực tiếp nuôi con nên ông Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Tách ra giải quyết bằng một vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu.

Về án phí: Bà Trần Thị L phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 003911 ngày 22/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B. Bà L đã nộp đủ án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố B;
- Chi cục THADS thành phố B;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã, huyện Đ, tỉnh Nghệ An;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Loan Trần Hải Yến